

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1925/2023/DS-ST

Ngày: 16/6/2023

V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Ông Nguyễn Cửu Long

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 195/2023/TLST-DS ngày 15/02/2023 về việc: “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2095/2023/QĐXXST-DS ngày 05/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2798/2023/QĐST-DS ngày 26/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Hứa Tường V, sinh năm: 2000 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Bà Đỗ Minh Th, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Võ Tấn L, sinh năm: 1994 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2023, bản tự khai, Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn trình bày nội dung và yêu cầu:

Bà Đặng Hứa Tường V quen biết bà Đỗ Minh Th qua bạn bè giới thiệu. Bà V và bà Th có giao dịch mua bán về mặt hàng điện thoại rất nhiều lần. Thời gian đầu bà Th rất uy tín. Bà V đặt hàng, giao tiền và bà Th giao hàng đúng hẹn. Tuy nhiên từ ngày 21/3/2022, bà Th bắt đầu có dấu hiệu chậm trễ giao hàng. Cụ thể:

Ngày 21/02/2022, bà V đặt mua 28 chiếc điện thoại hiệu Iphone và đã chuyển khoản số tiền 360.000.000 đồng vào số tài khoản 19036922599012 do bà Đỗ Minh Th là chủ tài khoản của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Bà Th hẹn sẽ giao hàng vào ngày 21/3/2022.

Ngày 03/3/2022, bà V đặt mua thêm 26 chiếc điện thoại Iphone và chuyển tiếp số tiền 180.000.000 đồng vào số tài khoản 19036922599012 do bà Đỗ Minh Th là chủ tài khoản của Techcombank. Bà Th hẹn sẽ giao hàng vào ngày 03/4/2022.

Ngày 16/3/2022, bà V tiếp tục đặt thêm 04 chiếc điện thoại Iphone và chuyển số tiền 31.000.000 đồng vào số tài khoản 19036922599012 do bà Đỗ Minh Th là chủ tài khoản của Techcombank. Bà Th hẹn sẽ giao hàng vào ngày 16/5/2022.

(Mọi giao dịch đều qua tin nhắn Facebook, chuyển khoản từ tài khoản số 0281000642263 của ông Võ Tấn L là chồng bà V tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Bà V đã lập vi bằng, sao kê tài khoản và đã nộp cho Tòa án.)

Tuy nhiên đến ngày hẹn giao hàng thì bà Th không thực hiện giao hàng như thỏa thuận. Ngày 08/9/2022, bà Th có hẹn sẽ trả lại cho bà V tổng số tiền là 517.000.000 đồng, việc trả tiền chia thành nhiều lần. Bà V cũng đồng ý và hối thúc nhiều lần qua tin nhắn nhưng bà Th vẫn không hoàn trả tiền cho bà V

Đây là tiền chung của bà V và chồng bà là ông Võ Tấn L trong thời kỳ hôn nhân.

Nhận thấy bà Th có dấu hiệu muốn chiếm đoạt số tiền 517.000.000 đồng của tôi và không có thiện chí muốn trả nợ. Vì vậy, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Minh Th trả lại số tiền nợ gốc là 571.000.000 đồng từ việc mua bán hàng hóa cho vợ chồng tôi và tiền lãi 10%/năm trên số tiền phải trả, tổng cộng tạm tính đến ngày 17/01/2023 là 616.372.000 đồng. Việc trả tiền thực hiện làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 08/5/2023, bà V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi là 45.372.000 đồng và chỉ yêu cầu bà Th trả lại số tiền gốc là 571.000.000 đồng.

Bị đơn là bà Đỗ Minh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà Th không đến nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Tại bản tự khai, Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản không tiến hành hòa giải được, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Tấn L trình bày: Ông L thống nhất với trình bày của bà V trong quá trình giải quyết vụ án. Yêu cầu bà Đỗ Minh Th trả lại số tiền nợ gốc là

571.000.000 đồng từ việc mua bán hàng hóa cho vợ chồng ông và không yêu cầu tính lãi. Việc trả tiền thực hiện làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 571.000.000 đồng và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi do nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Theo kết quả xác minh tài khoản của Tòa án tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam thì số tài khoản 19036922599012 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam là của bà Đỗ Minh Th, sinh ngày 03/5/1993, số CMND 025264542, địa chỉ: 01 đường số 15, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với thông tin bị đơn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên có căn cứ xác định tài khoản Facebook “Thư Đỗ” và “Minh Thư” (tài khoản nhắn tin giao dịch với bà V) là của bà Đỗ Minh Th. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà V có quyền khởi kiện đối với bà Th là bị đơn trong vụ án.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Vụ kiện tranh chấp phát sinh từ việc giữa bà V và bà Th có giao dịch mua bán các hàng hóa là thiết bị điện tử, tại thời điểm thụ lý vụ án Tòa án xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Tuy nhiên, theo yêu cầu khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền đã nhận, không tranh chấp về việc mua bán. Tại trang 34-36 của của Vi bằng số 71/2023/VB-TPL do Văn phòng Thừa phát lại thành phố Thủ Dầu Một, bị đơn là bà Th cũng xác nhận sẽ trả tiền hàng bà Th, ông L đã chuyển trước lại cho bà V. Do đó, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp đòi tài sản” căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là cá nhân có địa chỉ cư trú tại thành phố Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân thành phố Thủ Đức, phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Đặng Hứa Tường V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Võ Tấn L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong vụ án; bị đơn là bà Đỗ Minh Th đã được Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú tại Công an phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức xác định “bà Th có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 01 đường số 15, phường Bình Trưng Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, hiện ở đâu không rõ” nên Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 173 và Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để triệu tập bà Th đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng bà Th vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo tài liệu, chứng cứ do bà V cung cấp và ý kiến trình bày thì số tiền bà V giao dịch với bà Th là tài sản chung của bà với chồng là ông Võ Tấn L trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, việc đưa ông L vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cần thiết.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Theo các bản sao kê tài khoản thực hiện ngày 11/01/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam từ tài khoản số 0281000642263 của ông Võ Tấn L thể hiện từ ngày 22/02/2022 đến ngày 16/3/2023 ông L đã chuyển khoản cho tài khoản Đỗ Minh Th, Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), số tài khoản 19036922599012 làm 3 lần, tổng số tiền là 571.000.000 đồng (cụ thể, ngày 22/02/2022 chuyển khoản 360.000.000 đồng; ngày 03/3/2022 chuyển khoản 180.000.000 đồng; ngày 16/3/2023 chuyển khoản 31.000.000 đồng) có nội dung đặt mua các thiết bị điện tử là Iphone. Số tiền nêu trên là phù hợp với số tiền mà tài khoản facebook “Thư Đỗ” xác nhận với bà V ngày 08/9/2022 thể hiện tại trang 33, 34 của Vi bằng số 71/2023/VB-TPL do Văn phòng Thừa phát lại thành phố Thủ Dầu Một lập ngày 12/4/2023 từ điện thoại của bà Đặng Hứa Tường V. Như vậy, có căn cứ để xác định giữa bà V và bà Th có giao dịch dân sự với nhau về việc mua bán các thiết bị điện tử và bà V, ông L đã chuyển cho bà Th tổng số tiền là 571.000.000 đồng.

Tại trang 27 của Vi bằng số 71/2023/VB-TPL do Văn phòng Thừa phát lại thành phố Thủ Dầu Một thể hiện thời gian hàng giao sau khi đặt đơn (order) hàng là từ 08 đến 12 tuần, hạn cuối của các lô hàng nêu trên là ngày 16/6/2022. Tại trang 28 của Vi bằng nêu trên bà Th đề nghị cho thêm thời gian đến đầu tháng 7/2022 giao hàng cho bà V nhưng đến hết thời hạn nêu trên, bà Th không giao hàng cho bà V như thỏa thuận, như vậy bà Th đã vi phạm thời hạn thỏa thuận giao hàng cho bà V.

Như vậy, mặc dù các bên không lập hợp đồng cụ thể về việc mua bán nhưng qua nội dung trao đổi trên facebook, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng về việc mua bán các mặt hàng điện tử. Do không giao hàng được nên các bên thỏa thuận hủy hợp đồng, bị đơn đồng ý hoàn tiền lại cho nguyên đơn qua số tài khoản. Tuy nhiên, hết thời hạn thỏa thuận hoàn tiền mà bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình là đã vi phạm Điều 274, Điều 275, Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại trang 34 và 36 của Vi bằng nêu trên, bà Th đã hẹn trả lại toàn bộ số tiền hàng 571.000.000 đồng mà bà V, ông L đã chuyển trước cho bà V trong thời hạn 3 – 4 tuần (từ ngày 08/9/2022) nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà Th đã chuyển trả tiền cho bà V. Quá trình giải quyết vụ án, bà Th cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai dù đã được Tòa án thông báo đến Tòa án hợp lệ nên có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định bà Th chưa hoàn trả tiền hàng cho bà V.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án thì bà Th chưa hoàn trả cho bà V số tiền là 571.000.000 đồng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc bị đơn hoàn trả số tiền nêu trên là có căn cứ để chấp nhận.

Việc giao dịch mua bán hàng là giữa bà V với bà Th, tuy nhiên bà V xác định việc giao dịch thì chồng bà là ông Võ Tấn L có biết và đây cũng là tài sản chung của vợ chồng bà V. Ông L cũng xác nhận số tiền nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định nghĩa vụ trả tiền của bà Th cho vợ chồng bà V, ông L.

Bà V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi là 45.372.000 đồng và chỉ yêu cầu bà Th trả lại số tiền gốc là 571.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về tiền lãi.

[4] *Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là Đỗ Minh Th có trách nhiệm trả cho bà Đặng Hứa Tường V, ông Võ Tấn L số tiền 571.000.000 đồng và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi do nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn là bà Đỗ Minh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể: 20.000.000 + (171.000.000 x 4%) = 26.840.000 (hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Nguyên đơn là bà Đặng Hứa Tường V được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 173; Điều 180; khoản 1, khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 274, Điều 275, Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Đỗ Minh Th có trách nhiệm trả lại cho bà Đặng Hứa Tường V và ông Võ Tấn L số tiền là 571.000.000 (năm trăm bảy mươi một triệu) đồng.

Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành và thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi là 45.372.000 (bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn) đồng.

3. Án phí sơ thẩm:

- Bà Đỗ Minh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.840.000 (hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi ngàn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đặng Hứa Tường V được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 14.327.440 (mười bốn triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0008003 ngày 13/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết Bản án, đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương